TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Phạm Văn Tiến.

- T ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - T ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 (Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Th, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (anh Nguyễn Văn U) trình bày: Anh và chị Trương Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 7 năm 2013. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 06 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp,vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do chị Th có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, các con nên vợ chồng Tòng xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2020, do

mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, anh U yêu cầu được ly hôn chị Th. Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 20xx và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01 tháng 12 năm 20xx. Khi ly hôn, anh U đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, về tài sản chung anh xin tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Th nhiều lần, yêu cầu chị Th giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị Th không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng anh U, chị Th là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác, không tin tưởng nhau nên Tòng hay xô xát, cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tình trạng vợ chồng anh chị trầm trọng từ đầu năm 2020. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có hai con chung như anh U trình bày. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung của anh chị do anh U nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp anh U, chị Th ly hôn, Tòa án nên giao cả hai con cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì chị Th làm nghề lao động tự do, không thường xuyên ở nhà nên không đảm bảo việc chăm sóc các con của anh chị.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (anh U) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (chị Th) vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. NgU đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 20xx; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U, xử cho anh Nguyễn Văn U được ly hôn chị Trương Thị Th; giao con Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Hải Đ cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; về việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung anh U xin tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; anh U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (chị Trương Thị Th) có Đ ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn N, xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (chị Th) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho chị Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc chị Th không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Bị đơn (chị Th) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Th.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương, thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa anh U, chị Th được xác lập do hai bên tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 17/7/2013, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác nên thường hay xô xát, cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2020, tình trạng vợ chồng anh U, chị Th trở nên trầm trọng; anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh U, chị Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của anh U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh U được ly hôn chị Th.

[5]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 20xx và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 02 tháng 12 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do anh U nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn anh U đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh U làm công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo việc

nuôi dưỡng, chăm sóc các con; ngoài việc tự mình chăm sóc các con, anh U còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; chị Th làm nghề lao động tự do, Tòng xU không ở nhà. Quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng được ở cùng với bố. Như vậy có thể thấy điều kiện trực tiếp nuôi con hiện nay của anh U tốt hơn của chị Th. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh U, xử giao con Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Hải Đ cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng cho con, vì anh U xin tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[6]. Về tài sản và nợ chung: Anh U xin tự giải quyết với chị Th về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn U được ly hôn chị Trương Thị Th.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 20xx và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 02 tháng 12 năm 20xx cho anh Nguyễn Văn U trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh U đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006051 ngày 01 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, anh U đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NgU đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tU án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 2013);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang